CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội

Ngày 31/12/2024	15,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**36.3%**	**24.2%**

DT thuần
Q4/24
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.65| 54.2%
YoY: ▲ 2.73| 35.7%

LN thuần
Q4/24
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.12| 401%
YoY: ▲ 0.12| 401%

LN sau thuế
Q4/24
0.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.56|
YoY: ▲ 0.18| 47.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
4.5%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE
2024
5.6%
YoY: +/-▼ 0.9%

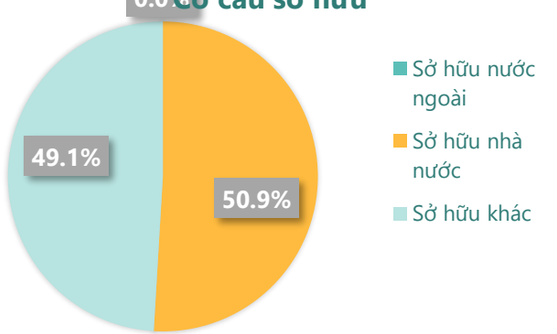
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,100 - 17,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	2,095,985
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.03
EPS	677
P/E	22.8

DT thuần
2024
40.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -4.4%

LN thuần
2024
1.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.43| -30.1%

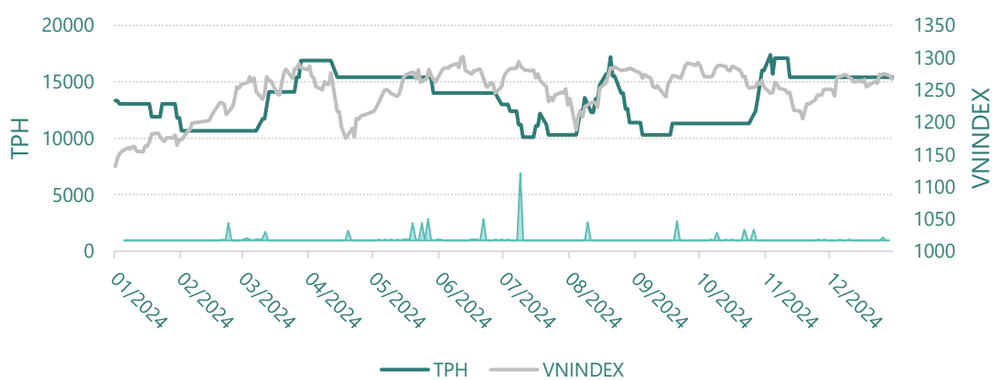
LN sau thuế
2024
1.42
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.24| -14.4%

Cơ cấu sở hữu

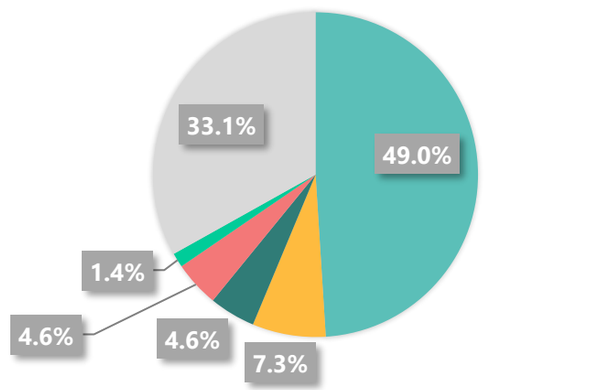


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



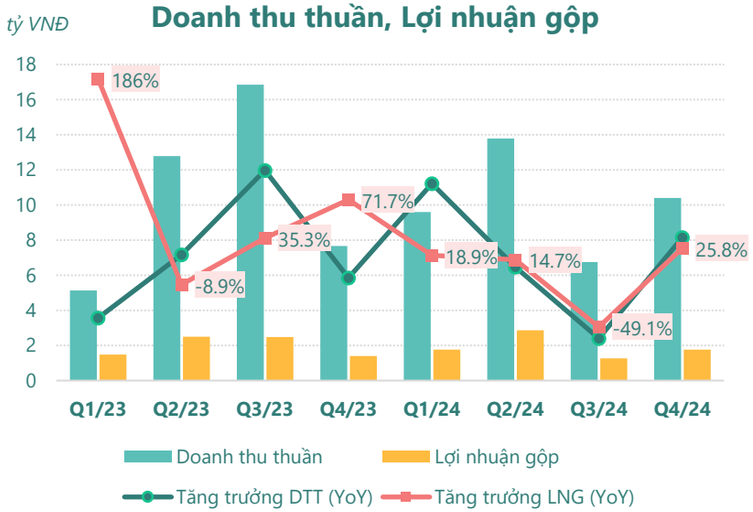
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

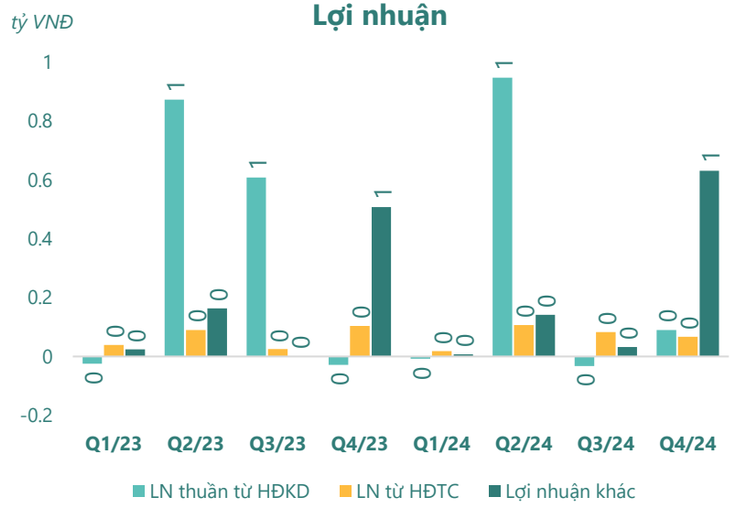
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



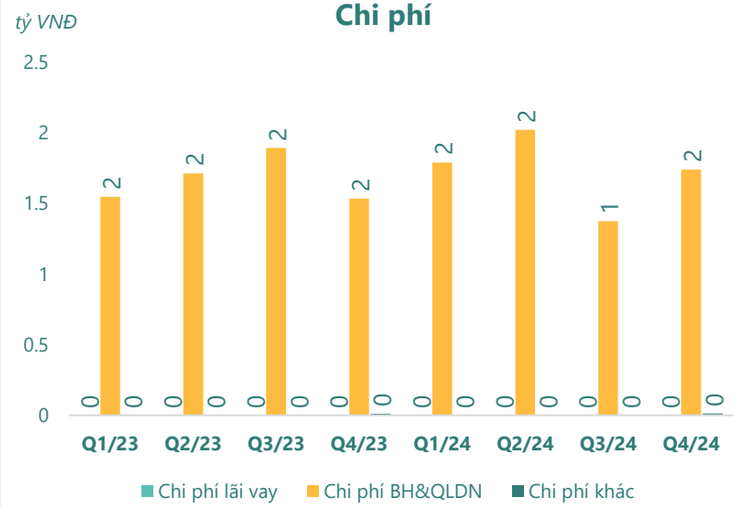
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



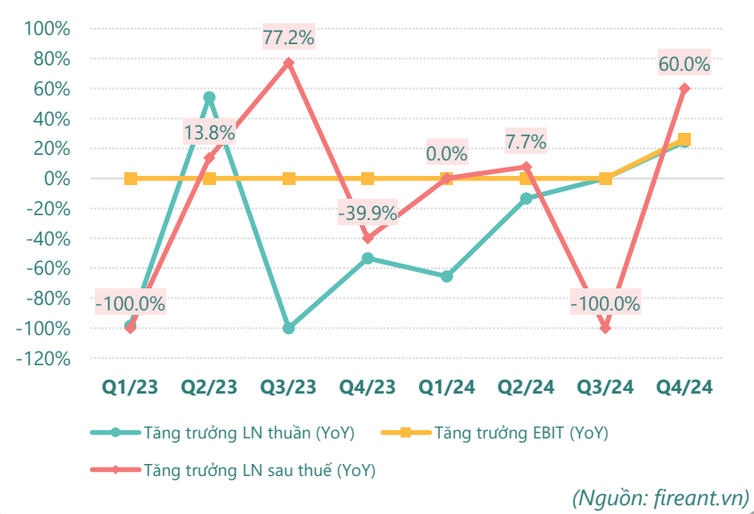
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



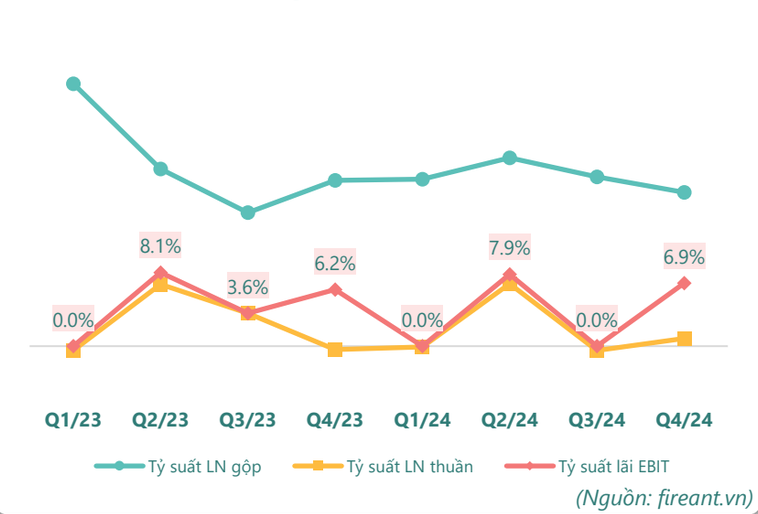
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



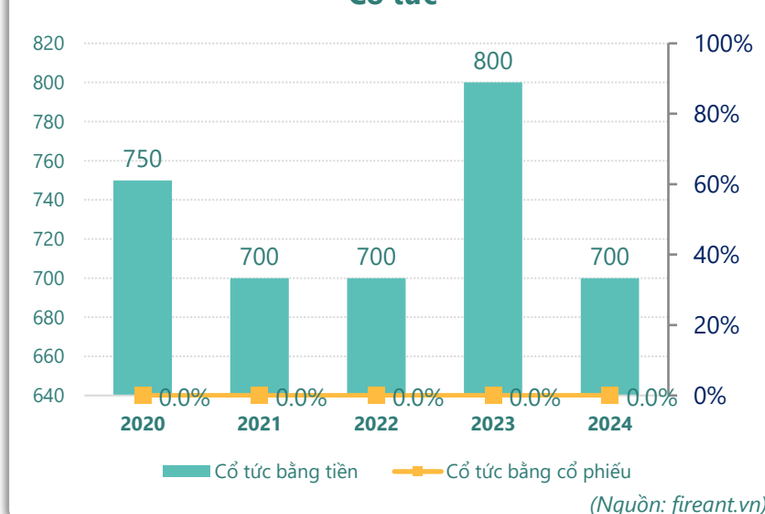
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

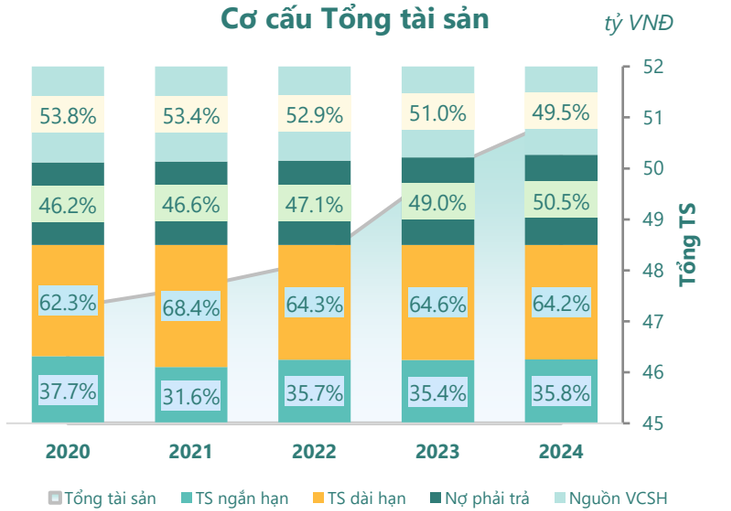
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

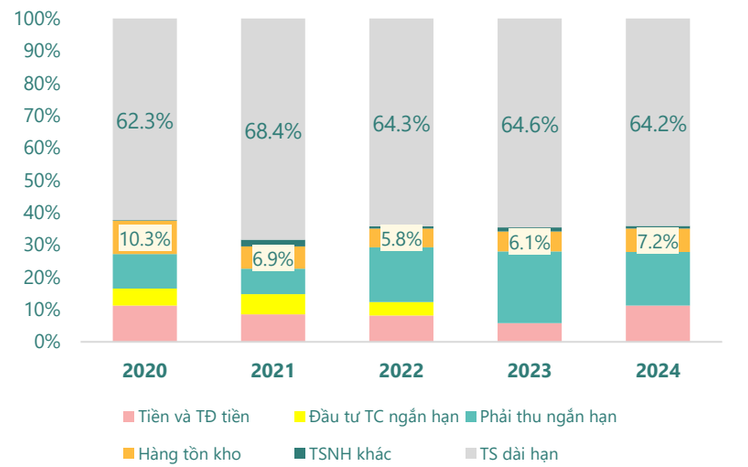
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



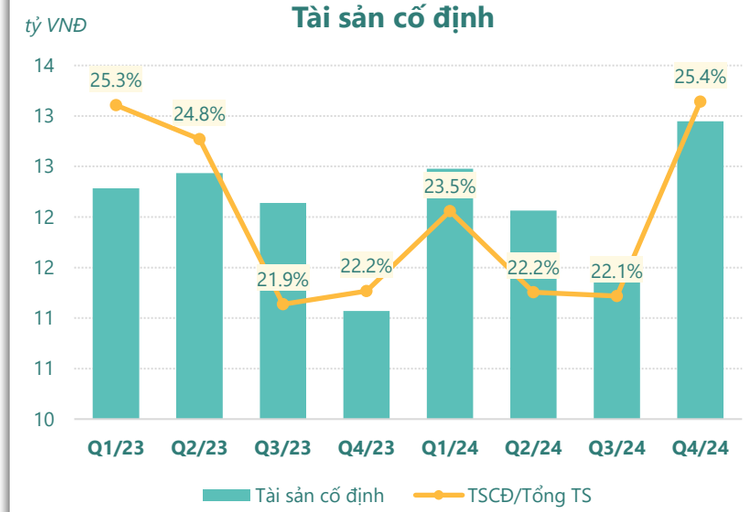
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



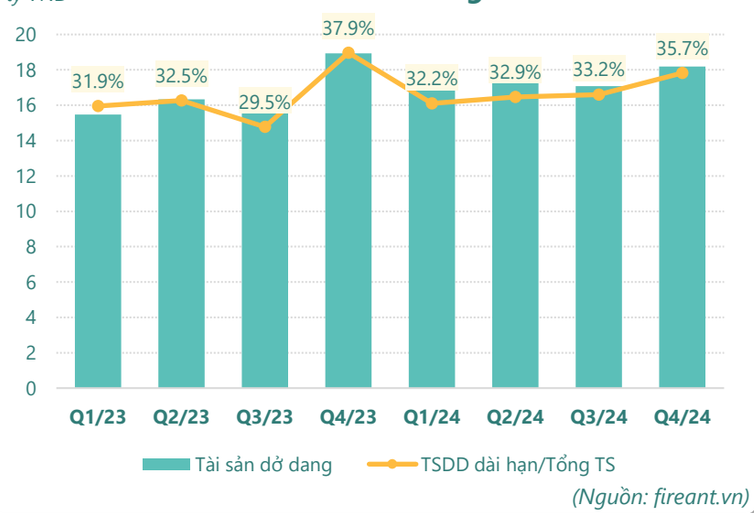
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



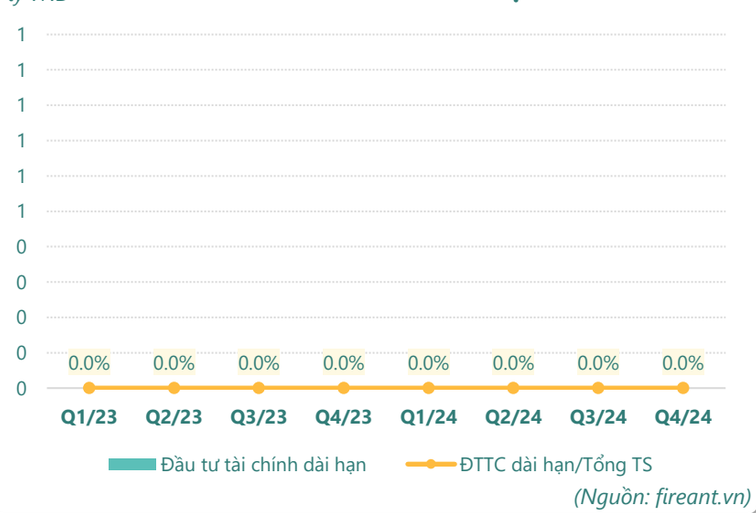
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



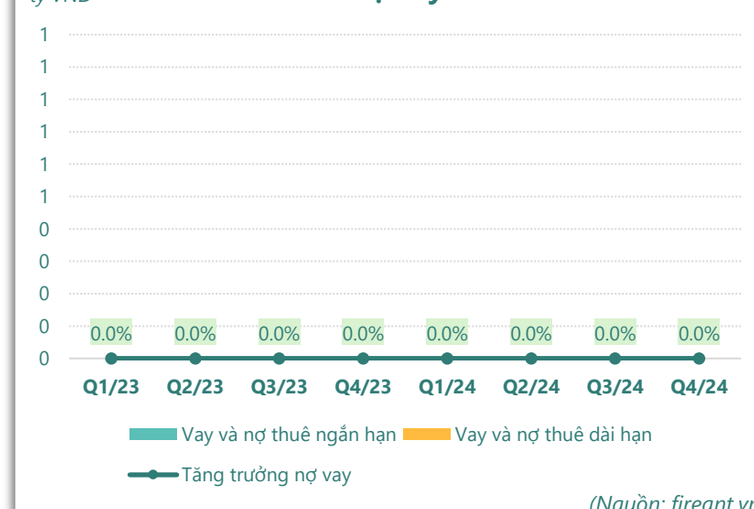
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

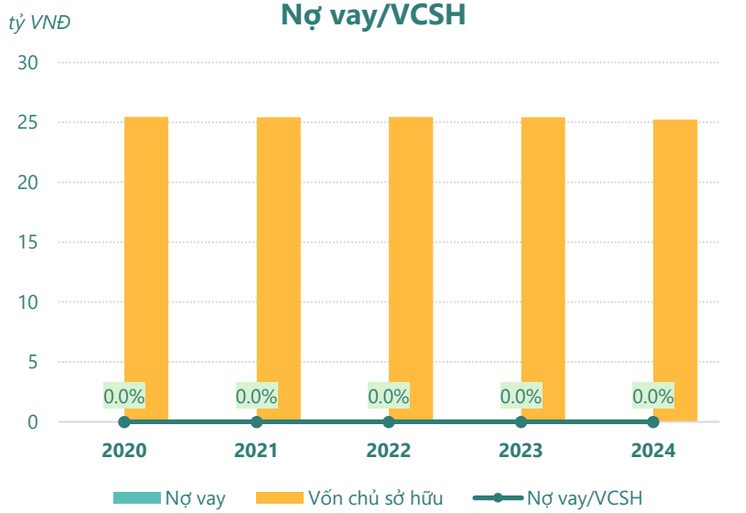
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

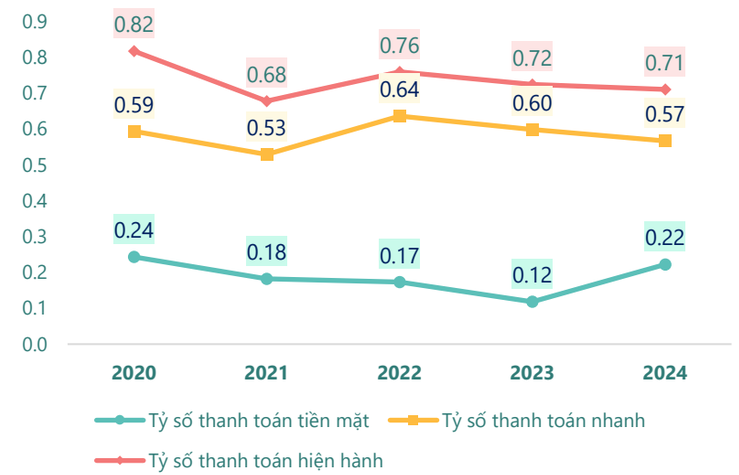
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



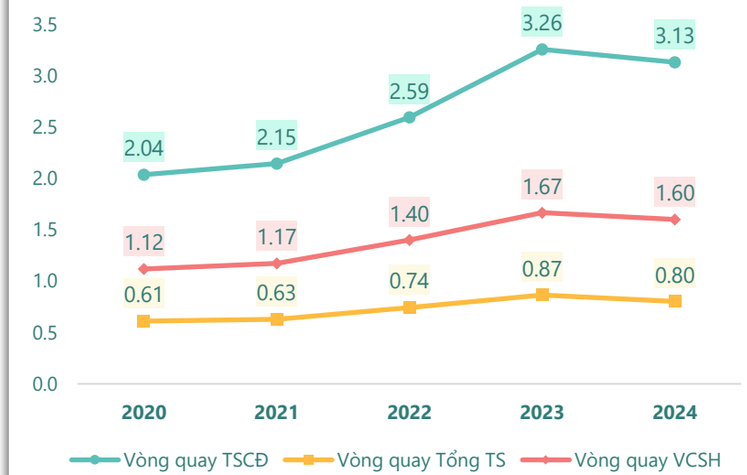
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



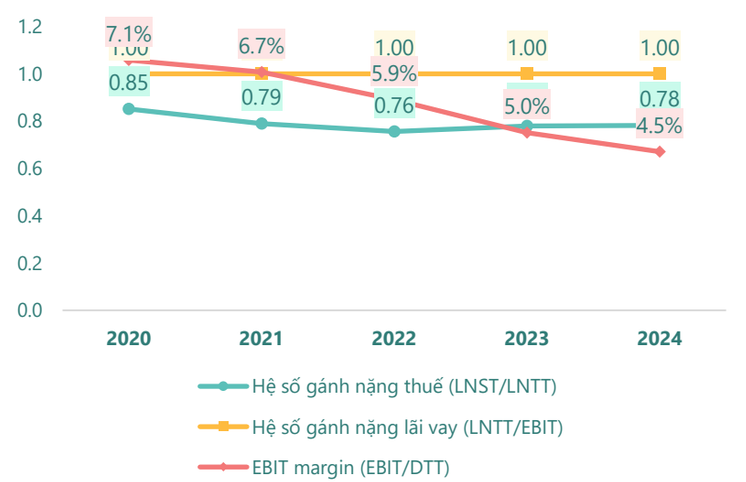
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



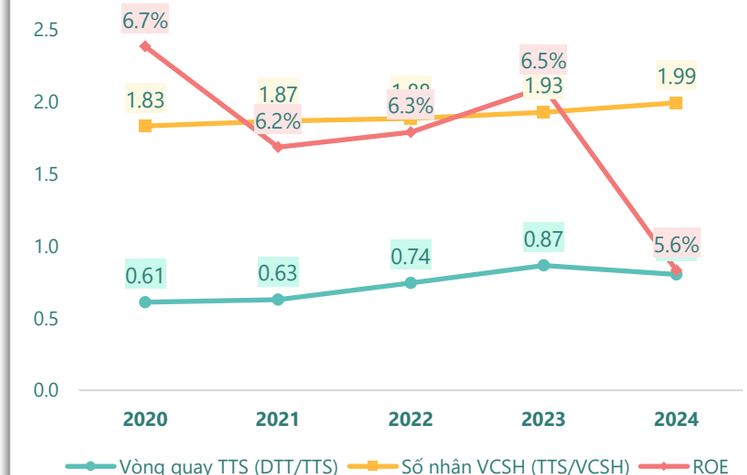
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



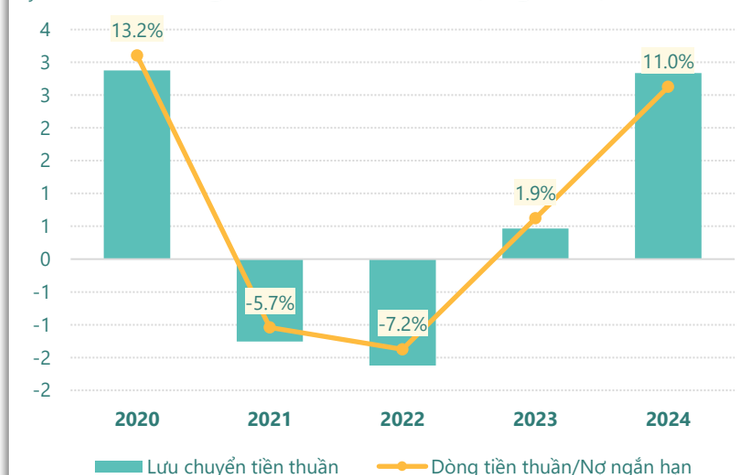
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.4**	**7.67**	**35.7%**	**40.5**	**42.4**	**-4.4%**
Giá vốn hàng bán	8.64	6.26	38.1%	32.9	34.6	-4.8%
Lợi nhuận gộp	1.76	1.40	26.0%	7.65	7.86	-2.7%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.10	-32.5%	0.28	0.26	6.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.08	0.06	34.0%	0.50	0.19	168%
Chi phí QLDN	**1.66**	**1.47**	**13.0%**	**6.43**	**6.51**	**-1.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.09	-0.03	401%	1.00	1.43	-30.1%
Lợi nhuận khác	**0.63**	**0.51**	**23.9%**	**0.81**	**0.70**	**16.9%**
LN trước thuế	0.72	0.48	50.5%	1.81	2.13	-14.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.56**	**0.38**	**47.1%**	**1.42**	**1.66**	**-14.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.56**	**0.38**	**47.1%**	**1.42**	**1.66**	**-14.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.36	0.80	1.02	3.65	-1.53	-0.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.10	-1.43	-0.20	-0.72	-2.22	4.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.26	0.00	0	-1.42	-0.05	0.03
Tiền đầu kỳ	2.52	3.53	2.89	3.71	5.22	1.43
Lưu chuyển tiền thuần	**1.00**	**-0.64**	**0.82**	**1.52**	**-3.79**	**4.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.53	2.89	3.71	5.22	1.43	5.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**51.0**	**49.9**	**2.1%**
Tài sản ngắn hạn	18.3	17.7	3.3%
Tiền và tương đương tiền	5.72	2.89	98.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.46	11.1	-23.6%
Hàng tồn kho	3.70	3.06	21.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.67	-41.5%
Tài sản dài hạn	**32.7**	**32.2**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.9	12.9	0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.2	17.1	6.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.59**	**2.22**	**-28.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.8	24.5	5.3%
Nợ ngắn hạn	**25.7**	**24.4**	**5.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.27	4.09	4.6%
Nợ dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**25.2**	**25.4**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**25.2**	**25.4**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	21.0	21.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)